

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
MÃ HỒ SƠ:



Đối tượng đăng ký: **Giảng viên**

Ngành: Chuyên ngành: **Thông tin – Truyền thông**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nghiêm Xuân Huy

2. Ngày tháng năm sinh: 07/8/1977; Nam Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: : P1703, Tòa nhà Sông Đà, Văn Quán, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: P1704, Tòa nhà Sông Đà, Văn Quán, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0983936905;

E-mail: huynx@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác:

Từ 01/2000 – 10/2002 - Chuyên viên phòng Đào tạo, Trường ĐH KH Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

- Tham gia giảng dạy tại khoa Thông tin – Thư viện

Từ 10/2002 – 2/2004 Giảng viên, Khoa Thông tin – Thư viện, Trường ĐH KH Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

- Từ 2/2004 – 12/2005 Giảng viên, Học Thạc sĩ (Khoa học Thông tin) tại ĐH Nam Australia theo Chương trình 322 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Từ 12/2005 – 5/2007 - Phó chủ nhiệm Bộ môn Tin học Ứng dụng, Giảng viên, Khoa Thông tin – Thư viện, Trường ĐH KH Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
- Từ 5/2007 – 12/2007 Giảng viên, Phòng Đào tạo, Trường ĐH KH Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.
- Từ 1/2008 – 3/2012 - Làm nghiên cứu sinh (Khoa học Thông tin và Truyền thông) theo học bổng dành cho các nhà Lãnh đạo tiềm năng do chính phủ Australia tài trợ (Australia Leadership Award). Nhận bằng: 2014
- Từ 4/2012 – 4/2014 - Phó Giám đốc Trung tâm Đảm bảo Chất lượng Giáo dục, Trường ĐH KH Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.
- Điều hành Trung tâm tư vấn và hỗ trợ đào tạo (CASA).
- Giảng viên, tham gia giảng dạy tại khoa Thông tin Thư viện
- Từ 5/2014 – 3/2017 - Phó Trưởng ban, Ban Khoa học Công nghệ, ĐHQHN
- Từ ngày 25/10/2016: Phó Bí thư chi bộ Ban KHCN và Tạp chí KH ĐHQGHN
- Từ 4/2017 – nay Viện trưởng Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN
Bí thư Chi bộ Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, ĐHQGHN
- Cơ quan công tác hiện nay: Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục.
 - Địa chỉ cơ quan: Nhà HT1, Khu đô thị ĐHQGHN tại Hòa Lạc
 - Điện thoại cơ quan: 02437547506

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 15 tháng 7 năm 1999

Số văn bằng: B129028

Ngành: Thông tin – Thư viện

Nơi cấp bằng Đại học: Trường ĐHKH Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

- Được cấp bằng đại học ngày 06 tháng 3 năm 2003

Số văn bằng: QC012754

Ngành: Tiếng Anh

Nơi cấp: Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 30 tháng 3 năm 2006

Số văn bằng: 100027390 (mã học viên)

Chuyên ngành: Khoa học Thông tin

Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Nam Úc (Astralia)

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 12 tháng 3 năm 2014

Số văn bằng: 100027390 (mã Nghiên cứu sinh)

Chuyên ngành: Thông tin – Truyền thông

Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Nam Úc (Astralia)

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:
GIÁO DỤC HỌC

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Định hướng nghiên cứu chuyên sâu của tôi bao gồm:

Thứ ba, Phát triển văn hóa học thuật (academic culture) nói chung và năng lực người học nói riêng trong bối cảnh giáo dục đại học (cụ thể, nghiên cứu khung lý thuyết và mô hình phát triển năng lực thông tin, năng lực số cho sinh viên đại học phù hợp với bối cảnh văn hóa học thuật tại Việt Nam; phát triển năng lực học tập suốt đời cho người học).

Thứ hai: Quản trị đại học và đảm bảo chất lượng (nghiên cứu mô hình đảm bảo chất lượng bên trong; các mô hình quản trị chất lượng giáo dục; các mô hình quản trị đại học tiên tiến; xếp hạng và đánh giá chất lượng giáo dục).

Thứ ba: Phương pháp và công nghệ giáo dục (nghiên cứu các phương pháp dạy học mới và công nghệ giáo dục; xây dựng khung năng lực giảng dạy của giảng viên; phát triển năng lực giảng dạy cho giảng viên).

Đây là các chủ đề nghiên cứu gắn với thực tiễn chuyên môn, ứng dụng trực tiếp trong một số CTĐT tại ĐHQGHN (Quản trị chất lượng; Quản lý thông tin) cũng như trong hoạt động tư vấn chính sách, nghiên cứu khoa học tại Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐHQGHN.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Đã hướng dẫn **04 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng Thạc sĩ; hiện đang hướng dẫn **02 học viên cao học** tại Trường ĐH Giáo dục và Trường ĐH Việt Nhật, **02 nghiên cứu sinh** tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

- Đã hoàn thành và nghiệm thu **04 đề tài NCKH** các cấp. Cụ thể:

+ Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp ĐHQGHN mã số QG.15.47 (cấp ĐHQGHN, nghiệm thu năm 2021).

+ Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Nhà nước mã số ĐTĐLXH-12/18 (nghiệm thu năm 2021).

+ Chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở mã số VCL.18.01 (nghiệm thu năm 2018)

+ Thành viên đề tài cấp Nhà nước mã số KHGD/16-20.ĐT.007 (Bộ Giáo dục và Đào tạo/Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020, nghiệm thu năm 2019).

- Đã công bố **25 bài nghiên cứu**, cụ thể: có 02 bài báo khoa học quốc tế trong danh mục WoS/Scopus, 03 bài kỷ yếu Hội thảo quốc tế có uy tín (có phản biện kín), 01 bài trong sách tham khảo quốc tế (do UNESCO xuất bản), 03 bài hội thảo cấp quốc gia, 16 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước (có chỉ số ISSN hoặc ISBN).

- Là **tác giả 01 sách chuyên khảo**: *Developing information literacy for students in accordance with the academic culture at universities in Vietnam: concepts, frameworks, and practices* (2021), Sách chuyên khảo (tiếng Anh), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN: 978-604-324-458-8

- Đã chủ trì biên soạn **01 sách chuyên khảo**: *Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học: Lý luận và thực tiễn* (2021), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN: 978-604-342-693-9

- Đồng tác giả **01 sách chuyên khảo**: *Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp* (2020), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. ISBN: 978-904-315-213-5

- Tham gia biên soạn **01 sách chuyên khảo**: *Nền tảng dữ liệu và tri thức số trong giáo dục đại học dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*, Chuyên khảo “*Tối ưu hóa quản trị tri thức số: Chính phủ - Doanh nghiệp – Thư viện*”, H. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019, tr. 252-265, ISBN 978-604-984-828-5

- Tham gia biên soạn **01 tài liệu tham khảo quốc tế** (do UNESCO phát hành): *Overview of Information Literacy Resources Worldwide* (2013), UNESCO, ISBN: 978-92-3-001131-4

- Đã chủ trì biên soạn **05 đề cương học phần** của các Chương trình đào tạo Cử nhân và Thạc sĩ. Cụ thể:

+ Chương trình đào tạo Cử nhân: Đại cương quản trị chất lượng (03 tín chỉ), Quản trị hoạt động khoa học và Công nghệ (03 tín chỉ), Xếp hạng đại học (03 tín chỉ), Nhập môn năng lực thông tin (02 tín chỉ).

+ Chương trình đào tạo Thạc sĩ: Quản trị tri thức (02 tín chỉ).

- Đã chủ trì thiết kế, xây dựng Chương trình tập huấn về Phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho giảng viên ĐHQGHN, triển khai rộng rãi trong toàn ĐHQGHN.

- Đã nghiên cứu, phối hợp nghiên cứu, xây dựng và đưa vào **ứng dụng một số sản phẩm khoa học** sau:

+ Cổng thông tin đảm bảo chất lượng ĐHQGHN, đã được Cục bản quyền tác giả cấp chứng nhận đăng kí quyền tác giả năm 2022, hiện được áp dụng trong toàn ĐHQGHN tại địa chỉ <http://qa.vnu.edu.vn>

+ Kênh chất lượng giáo dục đại học và nghề nghiệp (uniHub), đã được Cục bản quyền tác giả cấp chứng nhận đăng kí quyền tác giả năm 2022, hiện trở thành không gian kết nối, chia sẻ chuyên môn, hợp tác giữa các trường đại học và cao đẳng trong cả nước. Kênh được vận hành tại địa chỉ <http://unihub.vnu.edu.vn>

+ Khung năng lực giảng dạy của giảng viên ĐHQGHN, đã được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt và ban hành theo Quyết định số 2401/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/07/2022, áp dụng trong toàn ĐHQGHN.

+ Bộ tiêu chí đại học nghiên cứu định hướng đổi mới sáng tạo (sản phẩm thuộc Đề tài độc lập cấp nhà nước mã số ĐTĐLXH-12/18), được Giám đốc ĐHQGHN phê duyệt và ban hành theo văn bản số 1609/HD-ĐHQGHN ngày 28/5/2021, áp dụng để đánh giá các đơn vị đào tạo và nghiên cứu trong toàn ĐHQGHN.

- Bên cạnh đó, bằng kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn của mình, tôi đã tham gia thảo luận về các vấn đề chính sách giáo dục đào tạo, giảng dạy và nghiên cứu trên các kênh thông tin đại chúng như truyền hình (VTV), truyền thanh (VOV), báo điện tử (Tuổi trẻ, Tiền Phong, Lao động, Dân trí, Giáo dục thời đại, Giáo dục). Những năm qua, tôi đã có hơn 20 bài trả lời phỏng vấn hoặc trao đổi về các vấn đề như: xếp hạng đại học, quản trị đại học, đảm bảo chất lượng, đổi mới giảng dạy, đào tạo trực tuyến).

15. Khen thưởng:

- **Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở** năm 2014-2015, 2015-2016, 2017-2018, 2019, 2021, 2022 (Quyết định số 3431/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/9/2015, Quyết định số 2925/QĐ-ĐHQGHN ngày 27/9/2016, Quyết định số 3590/QĐ-ĐHQGHN ngày 26/10/2018, Quyết định số 1303/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/4/2020, Quyết định số 772/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/3/2022, Quyết định số 1308/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/4/2023).

- **Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQGHN** năm 2016-2017, 2020 (Quyết định số 3918/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/10/2017, Quyết định số 1447/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/5/2021). Chiến sĩ thi đua cấp Bộ GD&ĐT năm 2021 (Quyết định số 3455/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2021

- **Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo** năm từ 2016-2017 đến 2017-2018, 2019-2020 (Quyết định số 920/QĐ-BGDĐT ngày 09/04/2019, Quyết định số 2416/QĐ-BGDĐT ngày 19/7/2022).

- **Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội** năm 2016-2017, 2019, 2015-2020, 2020 (Quyết định số 3918/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/10/2017, Quyết định số 1303/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/4/2020, Quyết định số 2782/QĐ-ĐHQGHN ngày

25/9/2020, Quyết định số 1447/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/5/2021), Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN theo quyết định số 1308/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/4/2023.

- **Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển ĐHQGHN năm 2018** (Quyết định 3962/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/11/2018).

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

**** Về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp***

Là giảng viên, Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi luôn có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh và thực hành tiết kiệm; không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ lý luận chính trị để vận dụng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tôi luôn tự ý thức và chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của pháp luật, cũng như quy định của nhà trường.

Là một giảng viên đại học, tôi luôn gần gũi và hỗ trợ sinh viên trong các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học. Tôi luôn nỗ lực trau dồi cả về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn để không ngừng đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng giảng dạy. Tôi luôn chú trọng việc khơi gợi tình yêu nghề nghiệp, khát vọng vươn lên cho sinh viên trong những giờ lên lớp.

**** Về công tác giảng dạy***

Tôi luôn hoàn thành tốt và vượt định mức giảng dạy theo quy định của ĐHQGHN, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học. Trong thời gian công tác tại Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục và Khoa Quản trị chất lượng, Trường ĐH Giáo dục, tôi tham gia đề án mở ngành Quản trị đại học với tư cách là giảng viên cơ hữu, thực hiện giảng dạy các học phần liên quan tới đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng, xếp hạng đại học cho bậc Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành Đo lường và Đánh giá trong giáo dục bao gồm: “Đại cương về Quản trị chất lượng giáo dục”, “Quản trị hoạt động khoa học và công nghệ”, “Xếp hạng đại học”. Tôi cũng đã tham gia giảng dạy 03 học phần hệ đại học (“Nhập môn năng lực thông tin”, “Kiến thức thông tin”, “Nhập môn Thông tin Thư viện bằng ngoại ngữ”) và 02

học phần hệ sau đại học (“Quản trị tri thức”, “Phát triển, lưu trữ và bảo quản vốn tài liệu”) tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN. Ngoài ra, tôi giảng dạy 01 học phần (“Khoa học thông tin”) cho hệ đại học tại Trường ĐH Việt Nhật, ĐHQGHN. Trong thời gian qua, ngoài việc tham gia giảng dạy trực tiếp trên lớp, tôi đã hướng dẫn thành công **04 học viên cao học** (đã nhận bằng); hiện đang hướng dẫn **02 NCS** và **02 học viên cao học**.

Là giảng viên đại học, tôi luôn có ý thức tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chủ động đổi mới và vận dụng các phương pháp sư phạm hiện đại vào bài giảng. Trong quá trình giảng dạy, tôi luôn tận tụy với công việc, quan tâm giúp đỡ và học hỏi đồng nghiệp, tôn trọng và đối xử công bằng với người học, luôn nêu gương tốt cho các thế hệ sinh viên, được nhiều đồng nghiệp và sinh viên yêu mến. Trong các năm qua tôi đạt được một số danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của ĐHQGHN, của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp ĐHQGHN, cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy trên lớp, tôi tích cực và chủ động tham gia các đợt tập huấn hỗ trợ giảng viên trong và ngoài ĐHQGHN như: thiết kế, xây dựng và tham gia giảng dạy chương trình tập huấn “Phương pháp giảng dạy mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho giảng viên ĐHQGHN”. Đến nay, đã có khoảng **1000 lượt giảng viên ĐHQGHN** tham gia Chương trình tập huấn.

Trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng, tôi đã tham gia thiết kế nội dung và trực tiếp giảng dạy cho các khóa tập huấn “Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá phục vụ kiểm định chất lượng CSGD và CTĐT đại học theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá phục vụ kiểm định chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của AUN-QA”, “Xây dựng CTĐT, xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương học phần phù hợp với yêu cầu kiểm định chất lượng”. Đến nay, tôi đã trực tiếp tham gia tập huấn cho hàng ngàn lượt giảng viên trong cả nước về những nội dung trên.

**** Về công tác nghiên cứu khoa học***

Tôi luôn ý thức được vai trò của NCKH trong nâng cao chất lượng giảng dạy tại trường Đại học. Vì vậy, tôi luôn dành thời gian tự nghiên cứu, cũng như hỗ trợ các

đồng nghiệp trẻ và người học trong NCKH. Tôi luôn hoàn thành tốt và vượt mức nhiệm vụ NCKH theo quy định của giảng viên. Hằng năm, tôi đều có các bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, tham gia các hội thảo khoa học, cũng như chủ trì và tham gia đề tài khoa học cấp Nhà nước, đề tài khoa học cấp Bộ và cấp cơ sở. Cụ thể, tôi đã công bố **25** bài nghiên cứu, trong đó có 02 bài báo khoa học quốc tế trong danh mục WoS/Scopus, 03 bài kỷ yếu Hội thảo quốc tế có uy tín (có phản biện kín), 01 bài trong sách tham khảo quốc tế (do UNESCO xuất bản), 03 bài hội thảo cấp quốc gia, 16 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước (có chỉ số ISSN hoặc ISBN). Bên cạnh đó, tôi đã trực tiếp biên soạn 01 sách chuyên khảo bằng tiếng Anh, chủ trì biên soạn 01 sách chuyên khảo và tham gia biên soạn 02 sách chuyên khảo phục vụ đào tạo và nghiên cứu tại ĐHQGHN.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số thời gian tham gia đào tạo: **19 năm, 6 tháng**, tại ĐHQGHN. Trong đó, từ năm 2017 đến nay thực hiện công tác giảng dạy như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012-2013					120		120/120/81
2	2015-2016			1			75	75/145/67,5
3	2019-2020					30	30	60/75/54
03 năm học cuối								
4	2020-2021			2		- ĐHGĐ: 42 - ĐHXHNV: 30 - ĐH Việt Nhật: 30	- ĐHXHNV: 30	132/247/54
5	2021-2022					- ĐHXHNV: 30 - ĐH Việt Nhật: 30	- ĐHXHNV: 30	90/105/54
6	2022-2023			1		- ĐHGĐ: 84 - ĐHXHNV: 30	- ĐHXHNV: 30	144/214/54

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Áp dụng theo Quyết định số 1819/QĐ-ĐHQGHN, ngày 01/06/2017, về việc Ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên, nghiên cứu viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định

mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu; áp dụng theo Quyết định số 4326/QĐ-ĐHQGHN, ngày 27/12/2021, quy định về Chế độ làm việc đối với giảng viên tại ĐHQGHN.

3. Ngoại ngữ

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Úc năm 2005 và bảo vệ luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: ÚC năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN, số bằng: QC012754; năm cấp: 2003

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ...

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Bùi Thị Thu Hà		X	X		2013-2015	Trường ĐHKHXH &NV-ĐHQGHN	10/6/2016
2	Hoàng Minh Trường		X	X		2018-2019	Trường ĐH Giáo dục-ĐHQGHN	09/12/2020
3	Nguyễn Minh Ngọc		X	X		2018-2019	Trường ĐH Giáo dục-ĐHQGHN	09/12/2020

4	Nguyễn Thị Phương Hạnh		X	X		2021-2022	Trường ĐHKHXH & NV- ĐHQGHN	17/4/2023
---	------------------------	--	---	---	--	-----------	----------------------------	-----------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Developing information literacy for students in accordance with the academic culture at universities in Vietnam: concepts, frameworks, and practices	CK	NXB ĐHQGHN 2021 ISBN: 978-604-324-458-8	1	X	Tác giả duy nhất	- Công văn xác nhận số 1952/XHNV-ĐT ngày 05/6/2023 của Trường ĐHKHXH&NV - Giấy xác nhận ngày 28/3/2023 của Trường ĐH Giáo dục
2	Đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh tự chủ đại học: Lý luận và thực tiễn	CK	NXB ĐHQGHN 2021 ISBN: 978-604-342-693-9	4	x	Toàn bộ cuốn sách & các chuyên đề 9 và 30	Giấy xác nhận ngày 28/3/2023 của Trường ĐH Giáo dục
3	Tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp	CK	NXB ĐHQGHN 2019 ISBN: 978-904-	12		Chương 1, 3, 5	Giấy xác nhận ngày 28/3/2023 của Trường ĐH Giáo dục

			315-213-5			
4	Tối ưu hóa quản trị tri thức số: Chính phủ - Doanh nghiệp – Thư viện	CK	NXB ĐHQGH N ISBN 978-604-984-828-5	10		tr.252-265
						Giấy xác nhận ngày 28/3/2023 của Trường ĐH Giáo dục

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: []: 02

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Nghiên cứu xây dựng hệ thống giải pháp, chính sách gắn kết hoạt động khoa học, công nghệ và đào tạo đối với đại học định hướng nghiên cứu dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”	CN	ĐTĐLXH-12/18, Cấp Nhà nước	2018-2020	27/10/2021, Xếp loại: Đạt
2	Phát triển năng lực thông tin cho người học nhằm nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng có việc làm của	CN	QG. 15.47 Cấp ĐHQGHN	2015-2017	31/12/2021, Xếp loại: Xuất sắc

	sinh viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội				
3	Quản trị hoạt động khoa học và công nghệ tại Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiếp cận đảm bảo chất lượng	CN	Vcl.18.01, Cấp cơ sở	2018	28/12/2018, Xếp loại: Đạt
4	Nghiên cứu mô hình trường đại học đáp ứng cách mạng công nghiệp 4.0 (“Đại học 4.0”)	TK	KHGD/16-20.ĐT.007, Cấp Nhà nước	2017 - 2019	19/11/2020, Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

7.1.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học công bố trước khi được công nhận Tiến sĩ

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
1	Selected Information Literacy Resources Available in the Vietnamese (Việt) Language	Nhiều tác giả		Sách tham khảo: Overview of Information Literacy Resources Worldwide, ISBN: 978-92-3-001131-4	Do UNESCO xuất bản	121	Tr. 217-220	2013
2	Delivering information literacy programmes in the context of network society and cross-cultural perspectives	1	X	IFLA Congress of Library and Information	Do Liên hiệp quốc tế các hiệp hội thư viện (IFLA) xuất bản	5	https://www.ifla.org/past-wlic/2010/74-nghiem-en.pdf	2010
3	Difficulties in implementing information literacy programs at	1	x	International Conference on Information literacy	Universiti Teknologi MARA, Malaysia	3	Section IV.b Higher educati	2006

	Colleague of Social Sciences and Humanities (Vietnam National University, Hanoi)			“Information literacy and knowledge society: development, changes, challenges” ISBN: 983-42771-1-3	(Top 555 QS World University Rankings)		on and information literacy practices	
Bài báo đăng trên tạp chí trong nước								
4	Vai trò của kiến thức thông tin đối với cán bộ nghiên cứu khoa học	1	X	Tạp chí Thư viện Việt Nam/ ISSN 1859-1040 https://nlv.gov.vn/ng-hiep-vu-thu-vien/vai-tro-cua-kien-thuc-thong-tin-doi-voi-can-bo-nghien-cuu-khoa-hoc.html		10	23 (3), 13-18	2010
5	Kiến thức thông tin với giáo dục đại học	01	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Ngành Thông tin - thư viện trong xã hội thông tin, Trường ĐH KH Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản https://sti.vista.gov.vn/file_DuLieu/dataT/LKHCN//Vi684-2007/2006/Vi684-2007S02006135.pdf		10	(Tr. 135-144)	2006
6	Kiến thức thông tin - nhân tố đổi mới diện mạo ngành thông tin thư viện Việt Nam - Những thách thức và triển vọng trong triển khai	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Ngành Thông tin - thư viện trong xã hội thông tin, Trường ĐH KH Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản https://sti.vista.gov.vn/file_DuLieu/dataT/LKHCN//Vi684-		/	Tr. 289-297	2006

				2007/2006/V1684-2007S02006289.pdf				
7	Cùng suy nghĩ về công tác đào tạo cử nhân chuyên ngành Thông tin-Thư viện	1	x	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học chuyên ngành Thông tin - Thư viện lần thứ nhất https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/23083/1/KY_03508.pdf	/	tr. 67-73	2001	

7.1.2. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học công bố sau khi được công nhận Tiến sĩ

TT	Tin bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) (*)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế								
8	Prioritization of Factors Impacting Lecturer Research Productivity Using an Improved Fuzzy Analytic Hierarchy Process Approach	08	X (tác giả liên hệ)	Sustainability (ISSN 2071-1050)	WoS, (CiteScore 2023: H-Index 102, Q2) https://www.scopus.com/sourceid/21100240100	4	14, 6134	2022
9	Factors Influencing the Effectiveness of Blended Learning Activities: A Case Study of Vietnam National University, Hanoi	05	X	Multidisciplinary Science Journal (E-ISSN:2675-1240)	Scopus (CiteScore 2022: 0.12) https://www.scopus.com/sourceid/21101133576	/	Vol. 5, Issue e2023044	2023
Bài Hội thảo quốc tế								

10	Enhancing Online Teaching: Addressing the Challenges Faced by Early-Career Academics at Vietnam National University, Hanoi	5	X	9th International Conference on Higher Education Advances (HEAD'23) https://headconf.org/head23book/head23book.pdf	Do ĐH Công nghệ Valencia (Universitat Politècnica de València), Top500 BXH QS thế giới, xuất bản	/	https://headconf.org/wp-content/uploads/pdfs/16327.pdf	2023
Bài báo trong nước								
11	Nghiên cứu các bộ tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo trên thế giới: Phân tích tổng quan và đề xuất một số khuyến nghị cho các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam	10		Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam	ISSN: 2615 - 8957	/	Tập 19, Số 06, Năm 2023	2023
12	Phát triển trí tuệ cảm xúc trong đổi mới giáo dục nhà trường	02		VNU Journal of Science: Education Research	ISSN: 2588-1159	/	7, 14, 1485-1493	2022
13	Đề xuất Khung năng lực thông tin cho sinh viên phù hợp với bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam	02	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu chính sách và quản lý	ISSN: 2588-1159	/	38, 02	2022
14	Thực trạng và các giải pháp chính sách thúc đẩy gắn kết hoạt động khoa học, công nghệ với	11	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu chính	ISSN: 2588-1159	/	38, 01	2022

	hoạt động đào tạo tại các trường đại học ở Việt Nam			sách và quản lý				
15	Phát triển năng lực thông tin cho sinh viên trong bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam	02	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu Giáo dục	ISSN: 2588-1159	01	37, 03	2021
16	Đánh giá ảnh hưởng của một số yếu tố trong nghiên cứu khoa học đến năng lực của sinh viên theo mô hình CDIO ở Việt Nam	06	x	Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu Giáo dục	ISSN: 2588-1159	01	37, 02	2021
17	Công bố khoa học quốc tế của Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị	10		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam	E-ISSN 1859-4794	02	10, tr. 4-9	2020
18	Các năng lực quan trọng và thiết yếu nhất đối với sinh viên tốt nghiệp Đại học Quốc gia Hà Nội từ góc nhìn của nhà tuyển dụng	04		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu Giáo dục	ISSN: 2588-1159	03	36, 01, tr 24-38	2020
19	Mô hình đại học SMARTI và hệ thống đối sánh chất lượng UPM” / SMARTI university model and performance benchmarking system UPM	06		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu chính sách và quản lý	ISSN: 2588-1159	6	36, 01 28-43	2020
20	Báo cáo khảo sát tài nguyên giáo dục mở trong	07		Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: “Xây dựng và khai	NXB Đại học Quốc gia Hà	2	tr. 469-500,	2019

	giáo dục đại học Việt Nam			thác tài nguyên giáo dục mở”	Nội, ISBN: 978-604-9864-69-8			
21	Tiếp cận giáo dục đại học 4.0 – Các đặc trưng và tiêu chí đánh giá	07		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu chính sách và quản lý	ISSN: 2588-1159	16	34, 04, 01-28	2018
22	Đặc điểm và bối cảnh phát triển của các trường đại học kỹ thuật Việt Nam hiện nay	03		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu Giáo dục	ISSN: 2588-1159	/	34, 01, 01-11	2018
23	Mức độ đáp ứng khung trình độ quốc gia Việt Nam của các chương trình đào tạo đại học hiện nay: Nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội	03		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu Giáo dục	ISSN: 2588-1159	01	34, 02, 01-10	2018
24	Nghiên cứu xu thế đổi mới sáng tạo trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bằng phương pháp phân tích trắc lượng thu mục	03		Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội – Nghiên cứu chính sách và quản lý	ISSN: 2588-1159	03	33,03	2017
25	Định hướng đầu ra cho cử nhân thông tin và thư viện: kinh nghiệm quốc tế và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam	01	X	Chuyên đề thuộc sách chuyên khảo: <i>Hoạt động thông tin-thư viện với vấn đề đổi mới căn bản và</i>	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội,	/	Tr. 129-138	2014

				toàn diện giáo dục Đại học Việt Nam ISBN: 978- 604-62-1588- 2				
--	--	--	--	--	--	--	--	--

(*): Theo Google Scholar, <https://scholar.google.com/citations?user=pGAAZ9sAAAAJ> (27/6/2023)

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **02 bài** (bài số 01 đến 02). Bài thứ 3 được bù bằng sách chuyên khảo (biên soạn bằng tiếng Anh) được NXB ĐHQGHN xuất bản.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Phần mềm Kênh chất lượng giáo dục đại học và nghề nghiệp	Cục bản quyền tác giả	2022	Đồng tác giả	09
2	Bài viết về Kênh chất lượng giáo dục đại học và nghề nghiệp	Cục bản quyền tác giả	2022	Đồng tác giả	09
3	Phần mềm “Công thông tin đảm bảo chất lượng”	Cục bản quyền tác giả	2022	Tác giả chính	08

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): 03

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Bộ tiêu chí đại học nghiên cứu định hướng đổi mới sáng tạo	Chủ trì	Đề tài độc lập cấp nhà nước mã số ĐTĐLXH-12/18	ĐHQGHN	Hướng dẫn số 1609/HD-ĐHQGHN ngày 28/5/2021 do GDĐHQGHN ký ban hành	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Có

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS): đã hướng dẫn 04 HVCH được cấp bằng

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

+ Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH

Đề xuất sách chuyên khảo của NXB có uy tín là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Tác giả sách chuyên khảo “*Developing information literacy for students in accordance with the academic culture at universities in Vietnam: concepts, frameworks, and practices*” (2021), Sách chuyên khảo (xuất bản tiếng Anh), Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN: 978-604-324-458-8

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nghiêm Xuân Huy